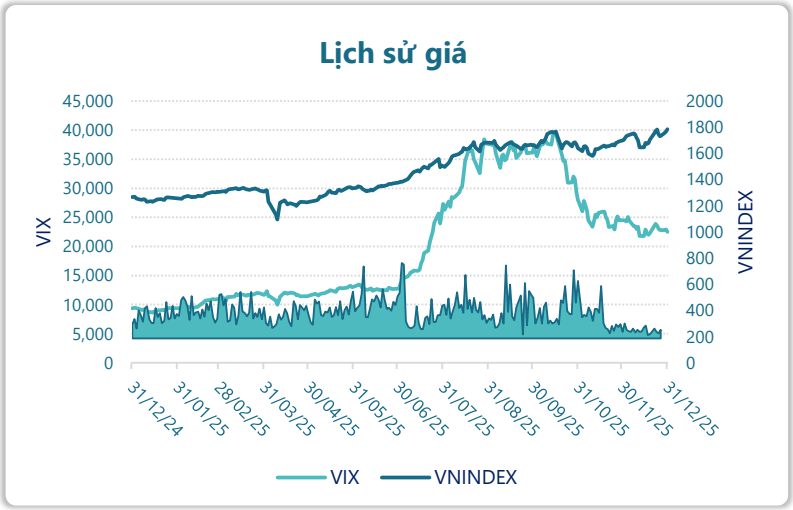
FireAnt

CTCP Chứng khoán VIX (HSX: VIX)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,610
SL cổ phiếu LH	1,531,429,858
KLGD BQ 20 phiên (CP)	36,944,162
% sở hữu nước ngoài	8.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	34,457
P/E	6.4
EPS	3,533

DT thuần

Q4/25

387

tỷ VNĐ

QoQ: ▼988| -71.9%

YoY: ▲ 307| 382%

LN sau thuế

Q4/25

201

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 390| 206%

YoY: ▼145| -42.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

361%

+/- YoY: ▼ 242%

DT thuần

2025

2,294

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,989| 653%

LN sau thuế

2025

645

tỷ VNĐ

YoY: ▼46.0| -6.6%

ROE

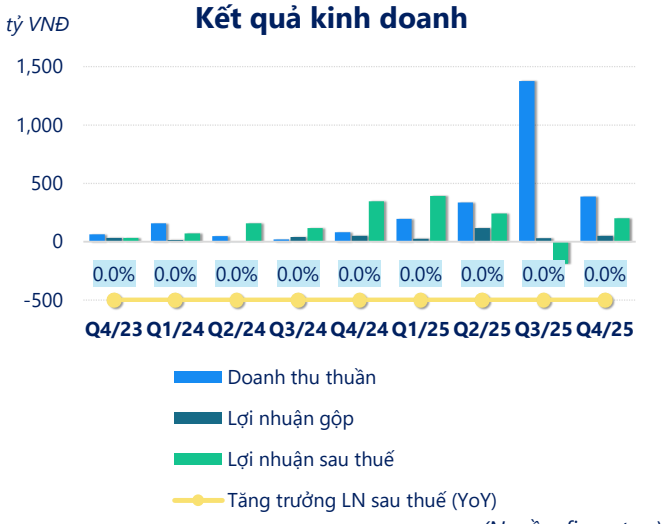
2025

#VALUE!

#VALUE!

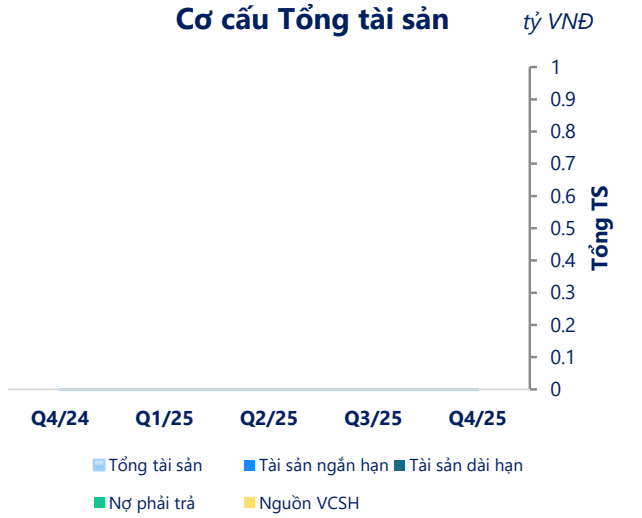
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



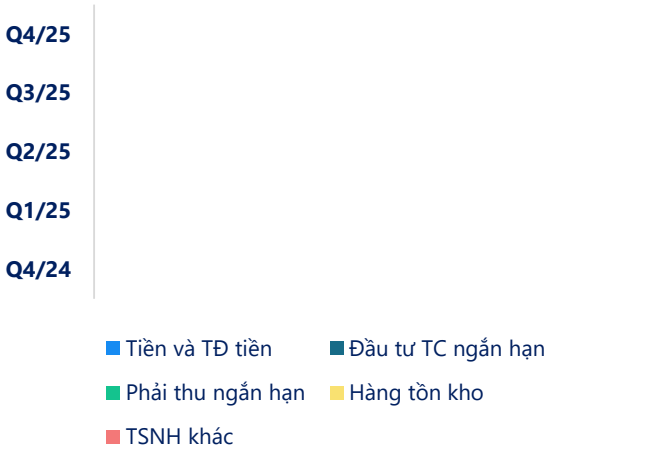
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



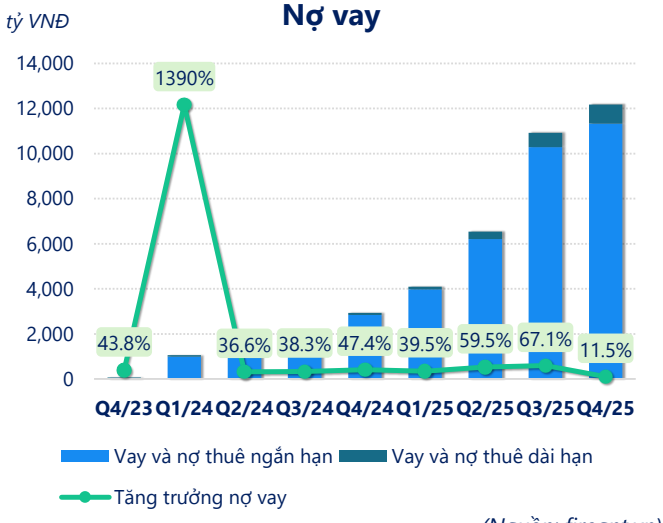
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



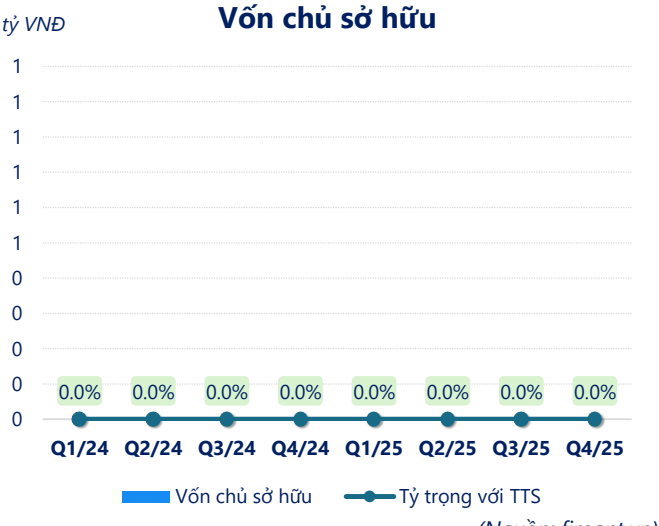
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



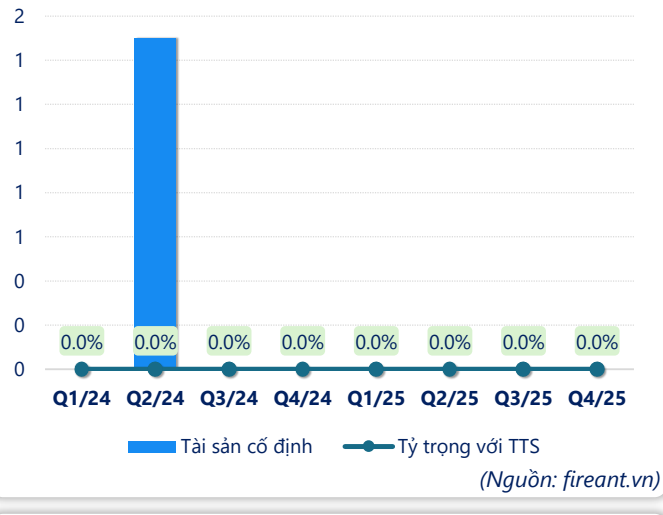
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



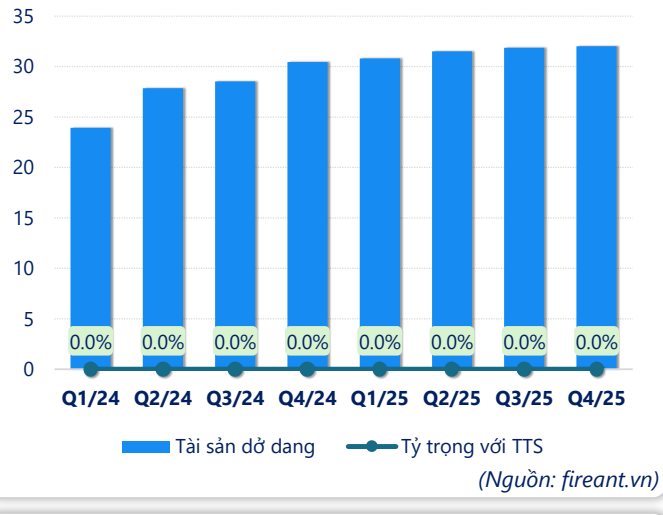
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



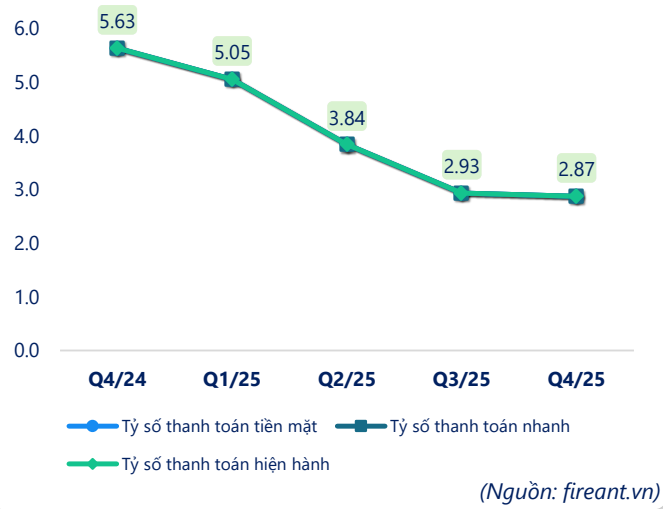
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



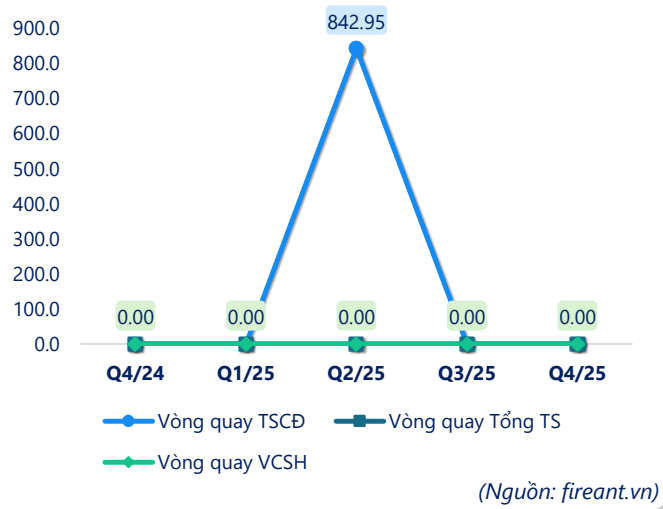
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Tài sản ngắn hạn	**19,558**	**20,564**	**24,340**	**31,491**	**34,112**
Tiền và tương đương tiền	19,556	20,561	24,336	31,487	34,110
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	422	750	726	870
Phải thu ngắn hạn	0	0	0	0	0
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**1.84**	**2.37**	**3.14**	**3.20**	**2.10**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	30.5	30.8	31.5	31.9	32.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.14	1.17	1.17	1.17	1.17
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,562**	**4,194**	**6,667**	**11,367**	**12,712**
Nợ ngắn hạn	**3,473**	**4,071**	**6,342**	**10,735**	**11,875**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,845	3,971	6,207	10,283	11,332
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	89.1	123	324	631	837
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0.15**	**0.15**	**0.15**	**0.15**	**0.15**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)